

CÔNG TY CỔ PHẦN DẠY NGHỀ MỄ TRÌ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DẠY NGHỀ MỄ TRÌ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107021193

3. Ngày thành lập: 12/10/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 158, Trần Vũ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913360390/ 0978331962

Fax: 0437150263

Email: dayngghemetri@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
3.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
4.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
5.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
6.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (trừ vàng miếng)	2420
7.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
8.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề đã đăng ký, khi đủ điều kiện quy định pháp luật và cơ quan có thẩm quyền cấp phép; trừ ngành nghề, mặt hàng, dịch vụ Nhà nước cấm và không áp dụng với loại hình doanh nghiệp trên).	2592
9.	Khai thác quặng sắt	0710
10.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
11.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ vàng miếng)	0730
12.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
13.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chỉ bao gồm: - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm ; - Rang và lọc cà phê ; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc ; - Sản xuất các chất thay thế cà phê ; - Trộn chè và chất phụ gia .	1079

14.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chỉ bao gồm: Bán buôn sắt, thép. - Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chỉ bao gồm: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh.	4669
19.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
20.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ bao gồm: Bán lẻ chè.	4722
21.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
22.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
23.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
24.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan Chỉ bao gồm: Sản xuất ngọc trai nhân tạo.	3211
25.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
26.	Tái chế phế liệu Chỉ bao gồm: tái chế PP+PE.	3830
27.	Xây dựng nhà các loại	4100
28.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
29.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
30.	Phá dỡ	4311
31.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
32.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
34.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
35.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
36.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chỉ bao gồm: Đại lý.	4610

38.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chỉ bao gồm: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	4620
39.	Bán buôn thực phẩm Chỉ bao gồm: Bán buôn chè.	4632(Chính)
40.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng)	4652
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chỉ bao gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng .	4659
43.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ bao gồm: Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
44.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chỉ bao gồm: Bán hàng qua điện thoại.	4791
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ bao gồm: Xuất khẩu, nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
49.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
50.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521

6. Vốn điều lệ: 19.800.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HUỖNH VĂN QUẢNG	Số 158 Trần Vũ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	980.100	9.801.000.000	49,50	011155181	
			Cổ phần phổ thông	980.100	9.801.000.000	49,50		
2	TRẦN THỊ THU	Số nhà 158 Trần Vũ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	980.100	9.801.000.000	49,50	011028554	
			Tổng số	980.100	9.801.000.000	49,50		
3	HUỖNH THỊ LIÊN	Số 7 Trại Hòa Bình, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.800	198.000.000	1	011377401	
			Tổng số	19.800	198.000.000	1		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: HUỖNH THỊ LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 15/10/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011377401

Ngày cấp: 11/07/2006

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 7 Trại Hòa Bình, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 7 Trại Hòa Bình, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội